TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/KT-ST
Ngày: 24 - 6 -2019
V/v "Tranh chấp
hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh –Thư ký Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 05/2019/TLST-KT ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-KT ngày 24/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần G.T

Trụ sở: Số 339/5 T.H.T, Phường 13, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật của Công ty: ông Phan Thanh L– Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Phan Thanh S – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 01/UQ/2019 ngày 14/3/2019 của Công ty). – có đơn đề nghị vắng mặt

Bị đơn: Công ty Cổ phần G Việt Nam

Trụ sở: Phòng 4.33 Tầng 4 khu X2, Sunrise City – North Tower, 27 N.H.T, phường T.H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Đức V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số A1/4 khu phố 2, phường T.H, thành phố B.H, tỉnh Đ.N -Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện ngày 14/5/2018, ngày 14/3/2019; các bản tự khai, biên bản làm việc do người đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Thanh S trình bày:

Ngày 20 tháng 12 năm 2016 nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T và bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam ký kết hợp đồng kinh tế số: 01/12 CMV-G.T/2016 với nội dung nguyên đơn sẽ bán cho bị đơn số lượng Cám mì viên nhập khẩu từ Ukraina với số lượng 370.5 tấn, đơn giá 4.450.000 đồng/tấn, tổng giá trị hợp đồng là 1.648.725.000 đồng. Phương thức thanh toán là đặt cọc 10% khi ký hợp đồng và thanh toán 90% trước khi nhận hàng.

Thực tế, trong quá trình thực hiện hợp đồng do có mối quan hệ tốt đẹp từ trước với ông Trương Đức V– Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần G Việt Nam nên nguyên đơn đã đồng ý cho giao hàng trước, căn cứ chất lượng và số lượng hàng hóa thực giao để đề xuất hóa đơn thanh toán.

Ngày 11/01/2017 nguyên đơn đã lập hóa đơn giá trị gia tăng số 0000003 xuất cho bên B số lượng 350 tấn; ngày 16/01/2017 căn cứ số lượng thực giao được hai bên công nhận, nguyên đơn xuất tiếp hóa đơn GTGT số 0000004 với số lượng 17,45 tấn. Tổng giá trị hàng hóa mua bán được 02 bên xác nhận là 367,45 tấn với tổng giá trị thanh toán 03 đợt là 1.635.152.500 đồng.

Trong các ngày 11/01/2017, 07/02/2017 và 17/02/2017 bị đơn đã chuyển thanh toán cho nguyên đơn mỗi đợt là 130.200.000 đồng, tổng thanh toán 03 đợt là 390.600.000 đồng. Sau đó do vướng lịch tết nguyên đán năm 2017 nên bị đơn ngưng không tiếp tục thanh toán. Qua nhiều lần đôn đốc và trực tiếp đến nhà máy gặp gỡ nhiều cấp quản lý và lãnh đạo của bị đơn thì bị đơn cũng đã tiếp tục thanh toán nguyên đơn, tính đến ngày 23/11/2017 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng 13 đợt với tổng số tiền là 1.187.939.500 đồng.

Bị đơn đã ký cam kết sẽ thanh toán số nợ còn lại cho nguyên đơn hạn chót đến ngày 31/12/2017 nhưng vẫn không thực hiện.

Do vậy, nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử là:

- Nợ gốc là 447.213.000 đồng (1)
- Tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán được tính từ ngày 31/12/2017 đến ngày 24/6/2019 (lãi suất 8,4%/năm): 447.213 x 540 x 8.4%/365 = 55.576.936 đồng (2)
- Tổng số tiền phải trả là: (1) + (2)

447.213.000đ + 55.576.936 đ = 502.789.936 đồng (năm trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng)

Nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 502.789.936 đồng (năm trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) ngay sau khi

bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tòa án cũng tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-KT ngày 24 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST-HPT ngày 24 tháng 5 năm 2019 nhưng bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại: Bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và nợ lãi của hợp đồng mua bán hàng hóa. Đây là tranh chấp phát sinh từ hoạt động kinh doanh được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Phiếu cung cấp thông tin đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp ngày 20 tháng 10 năm 2018 của Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam có trụ sở chính tại: Phòng 4.33 Tầng 4 khu X2, Sunrise City – North Tower, 27 N.H.T, phường T.H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp giữa các bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/6/2019, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Tại Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc."

Công ty Cổ phần G Việt Nam đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên Công ty Cổ phần G Việt Nam phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, lấy yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do phía nguyên đơn xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần G Việt Nam là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] ***Về nội dung tranh chấp***

Xét yêu cầu của nguyên đơn là Công ty Cổ phần G.T yêu cầu bị đơn là Công ty Cổ phần G Việt Nam phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ là 502.789.936 đồng (năm trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) trong đó: nợ gốc là 447.213.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày vi phạm 31/12/2017 đến ngày tòa xét xử 24/6/2019 là 55.576.936 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu nợ gốc:

Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 01/12/CMV-G.T/2016, ngày 20 tháng 12 năm 2016. Căn cứ vào Bản cam kết thanh toán công nợ ngày 24/11/2017; Thư cam kết thanh toán đính kèm lịch thanh toán ngày 29/11/2017 được ký kết giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T và bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam. Căn cứ lời khai của người đại diện nguyên đơn ông Phan Thanh S và các chứng cứ khác về quá trình bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam đã thanh toán được cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.187.939.500 đồng. Theo đó tính đến 23/11/2017 bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam còn nợ số tiền gốc là: 447.213.000 đồng. Hội đồng xét xử khẳng định: Công ty Cổ phần G.T và Công ty Cổ phần G Việt Nam đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể là hợp đồng kinh tế số: 01/12/CMV-G.T/2016 mặt hàng cám mỳ viên nhập khẩu từ Ukraina, số lượng hàng hóa là 370,5 tấn với đơn giá là 4.450.000 đồng/tấn, thành tiền là 1.648.725.000đồng. Tính đến ngày 23/11/2017, Công ty Cổ phần G Việt Nam đã thanh toán được tổng cộng 1.187.939.500 đồng, hiện còn nợ 447.213.000 đồng là sự thật. Căn cứ Khoản 1,

Khoản 2 Điều 50, Khoản 1 Điều 55 Luật thương mại năm 2005 thì bên mua đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số nợ gốc còn thiếu cho nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam phải thanh toán tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trên số tiền chậm trả tính từ ngày 31/12/2017 (ngày cuối cùng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán) cho đến ngày 24/6/2019 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm), với lãi suất 8,4 %/năm. Thời gian chậm thanh toán được tính tổng cộng là 540 ngày, cụ thể là (447.213.000 x 540 x 8,4%/360) = 55.576.936 đồng.

Do phía bị đơn vi phạm hợp đồng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Thấy mức lãi suất 8,4%/năm mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là sự tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 306 luật thương mại: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi nêu trên cho nguyên đơn.

[3.3] Đối với yêu cầu về thời gian thanh toán:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam phải trả tổng số tiền 502.789.936 đồng (năm trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) một lần ngày sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét, việc bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam nợ tiền đã lâu làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán do vi phạm hợp đồng là 502.789.936 đồng (năm trăm lẻ hai triệu bảy trăm tám chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng) được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên phía bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại là 24,111,597 đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.266.184 đồng (mười ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm tám mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0036616, ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30; Điểm b, Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39; Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 24; Điều 50; Điều 55, Điều 306 Luật thương mại 2005;

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1] Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T và bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam.

[2] Về nội dung vụ án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T

[2.1] Buộc Công ty Cổ phần G Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Cổ phần G.T tổng số tiền nợ là 506.597.958 đồng (năm trăm lẻ sáu triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi tám đồng) (trong đó: nợ gốc là 447.213.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 31/12/2017 tới ngày 24/6/2019 là 59.384.985 đồng).

[2.2] Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

[2.3] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần G Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24,111,597 đồng (hai mươi bốn triệu, một trăm mười một nghìn năm trăm chín bảy đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Công ty Cổ phần G.T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.266.184 đồng (mười ba triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm tám mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0036616, ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về quyền kháng cáo, Kháng nghị:

Nguyên đơn, Công ty Cổ phần G.T và bị đơn Công ty Cổ phần G Việt Nam có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

[5] Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thc hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung ụnăm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án ND TP.HCM;
- VKS ND Quận B;
- THA Dân sự Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thanh)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang